Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9006.40.00

Mã HS	9006.40.00
Mô tả hàng hóa	Máy ảnh (trừ máy quay phim); thiết bị đèn chớp và đèn flash máy ảnh trừ đèn phóng điện thuộc nhóm 85.39 / - Máy chụp lấy ảnh ngay
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	08/11/2026 18:12:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90064000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17958
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17958
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17958
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	13,6	13,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.5	17,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17261
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17190
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17190
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17190
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17190
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17190
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17190
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E17246
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17246

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17246
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17246
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17246
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17246
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E17247
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F17247
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17247
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17247
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17247
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17247
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17252
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17208
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17204
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17204
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17204
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17204
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17204
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17204
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17250
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17250
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17250
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17250
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17250
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17250
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17312
VCFTA	2023	2023	2	VC!E17312

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17312
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17312
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17312
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17312
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D17288
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E17288
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F17288
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17288
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17288
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17288
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D17283
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E17283
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F17283
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G17283
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H17283
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17283
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D17313
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17313
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17313
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17313
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17313
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17313
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D17312
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17312
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17312
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17312

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17312
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17312
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17406
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17406
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17406
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17406
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17406
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17406
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17406
RCEP A	2022	2022	22,5	RCEPT-A!D17275
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E17275
RCEP A	2024	2024	17,5	RCEPT-A!F17275
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G17275
RCEP A	2026	2026	12,5	RCEPT-A!H17275
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I17275
RCEP B	2022	2022	22,5	B!D17275
RCEP B	2023	2023	20	B!E17275
RCEP B	2024	2024	17,5	B!F17275
RCEP B	2025	2025	15	B!G17275
RCEP B	2026	2026	12,5	B!H17275
RCEP B	2027	2027	10	B!I17275
RCEP C	2022	2022	22,5	C!D17273
RCEP C	2023	2023	20	C!E17273
RCEP C	2024	2024	17,5	C!F17273
RCEP C	2025	2025	15	C!G17273
RCEP C	2026	2026	12,5	C!H17273

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	10	C!I17273
RCEP D	2022	2022	22,7	D!D17272
RCEP D	2023	2023	20,5	D!E17272
RCEP D	2024	2024	18,2	D!F17272
RCEP D	2025	2025	15,9	D!G17272
RCEP D	2026	2026	13,6	D!H17272
RCEP D	2027	2027	11,4	D!I17272
RCEP E	2022	2022	22,5	E!D17276
RCEP E	2023	2023	20	E!E17276
RCEP E	2024	2024	17,5	E!F17276
RCEP E	2025	2025	15	E!G17276
RCEP E	2026	2026	12,5	E!H17276
RCEP E	2027	2027	10	E!I17276
RCEP F	2022	2022	22,5	F!D17275
RCEP F	2023	2023	20	F!E17275
RCEP F	2024	2024	17,5	F!F17275
RCEP F	2025	2025	15	F!G17275
RCEP F	2026	2026	12,5	F!H17275
RCEP F	2027	2027	10	F!I17275
VIFTA	2024	2024	22.5	VI!F16200
VIFTA	2025	2025	20	VI!G16200
VIFTA	2026	2026	17.5	VI!H16200
VIFTA	2027	2027	15	VI!I16200

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9006.40.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9006.40.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17958), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.